TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 122/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-11-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Minh Lý.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T*** tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 416/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thanh T, sinh năm 1991; Có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ thường trú: Khóm A, phường B, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Số C đường Thạnh B, phường An Th, thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Phạm Hoàng S, sinh năm 1991; Có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: Số D, tổ E, khu phố F, phường Định H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, bà Ngô Thị Thanh T là nguyên đơn trình bày: Bà T và ông Phạm Hoàng S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Định H ngày 16/3/2019. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai còn mâu thuẫn với nhau về kinh tế. Vì thương và lo cho tương lai của con chung, bà T và ông S đã cố gắng hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện bà T và ông S đã sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể nào tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải

quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Hoàng S. Về con chung, ông bà có 01 con chung là cháu Phạm Hoàng Thiên B, sinh ngày 12/02/2020. Khi ly hôn, bà T đồng ý giao cháu Phạm Hoàng Thiên B cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về vấn đề cấp dưỡng, bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết, ông Phạm Hoàng S là bị đơn trình bày: Ông S thống nhất với phần trình bày của bà Ngô Thị Thanh T về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và về con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng thì ông S xác định nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau. Nay ông S đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung, ông S đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Phạm Hoàng Thiên B, sinh ngày 12/02/2020. Về cấp dưỡng nuôi con, ông S thống nhất với mức cấp dưỡng do bà T đưa ra là 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ các yêu cầu, ý kiến đã trình bày. Đồng thời, nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào đơn xin vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh T đối với bị đơn ông Phạm Hoàng S về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 06/11/2023, nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh T và ngày 15/11/2023, bị đơn ông Phạm Hoàng S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thanh T và ông Phạm Hoàng S tự nguyện kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Định H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 16/3/2019 của Ủy ban nhân dân phường Định H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn xác định sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ khi bà T sinh cháu Phạm Hoàng Thiên B thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không còn hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau được nữa. Vì vậy, bà T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông S. Về phía bị đơn ông Phạm Hoàng S trình bày do vợ chồng không hợp nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà T thì ông S xác định ông đồng ý ly hôn với bà T.

Xét thấy, quá trình giải quyết, nguyên đơn và bị đơn đều xác định quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả. Mâu thuẫn giữa bà T và ông S đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung khi giải quyết các vấn đề trong gia đình. Ông S xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Bà T và ông S hiện đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, làm cho hôn nhân của bà T và ông S lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị Thanh T đối với ông Phạm Hoàng S là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông S có 01 con chung là cháu Phạm Hoàng Thiên B, sinh ngày 12/02/2020. Bà T đồng ý giao cháu Phạm Hoàng Thiên B cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, cháu B đang sống ổn định với ông S từ khi bà T và ông S không còn sống chung với nhau. Ông S có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, tại bản tự khai, ông S thống nhất với bà T khi ly hôn thì ông là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B. Do vậy, cần giao cháu Phạm Hoàng Thiên B, sinh ngày 12/02/2020 cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng, là chính đáng và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Ngô Thị Thanh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, ông S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên bà T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai, ông S thống nhất với mức cấp dưỡng do bà T đưa ra. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng mà bà T đưa ra.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 177, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh T đối với bị đơn ông Phạm Hoàng S về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thanh T được ly hôn với ông Phạm Hoàng S.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Hoàng Thiên B, sinh ngày 12/02/2020 cho ông Phạm Hoàng S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Ngô Thị Thanh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Hoàng Thiên B, sinh ngày 12/02/2020 với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ ngày có bản án của Tòa án đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày ông Phạm Hoàng S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Ngô Thị Thanh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng bà T còn phải nộp tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, bà Ngô Thị Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Ngô Thị Thanh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Phạm Hoàng S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của bà Ngô Thị Thanh T.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Ngô Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số AA/2016 - 0000889 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Bà T còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND phường Định H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Chung